

Số: 493/QĐ-ĐHVH

Hà Nội, ngày 25 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Ban hành Quy định miễn, giảm học phí, hỗ trợ học phí,
hỗ trợ chi phí học tập cho sinh viên

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VIỆT - HUNG

Căn cứ Quyết định số 4993/QĐ-BCT ngày 03 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Công nghiệp Việt - Hung;

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người;

Căn cứ tình hình thực tế tại Trường Đại học Công nghiệp Việt - Hung;
Theo đề nghị của Trường phòng Công tác sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định miễn, giảm học phí, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập cho sinh viên tại Trường Đại học Công nghiệp Việt - Hung.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, và thay thế Quyết định số 497/QĐ-ĐHVH ngày 20 tháng 11 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Việt - Hung.

Điều 3. Các Ông (Bà): Trường phòng Công tác sinh viên, Trường viện, các khoa đào tạo, Trường các đơn vị có liên quan, và sinh viên trong toàn trường căn cứ Quyết định thi hành./. 

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng, các phó Hiệu trưởng (để c/d);
- Như Điều 3 (để t/h);
- Lưu: VT, CTSV.



PGS.TS.Nguyễn Đình Tùng

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐHCN VIỆT - HUNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 493/QĐ-ĐHVH

Hà Nội, ngày 25 tháng 9 năm 2025

QUY ĐỊNH

Về việc miễn, giảm học phí, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập cho sinh viên

(Ban hành kèm theo quyết định số 493/QĐ-ĐHVH ngày 25 tháng 9 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Việt - Hung)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Văn bản này Quy định miễn, giảm học phí, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập cho sinh viên đang học tập tại Trường Đại học Công nghiệp Việt - Hung bao gồm: Quy định chung; đối tượng được miễn, giảm học phí, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập cho sinh viên; thủ tục hồ sơ xét miễn, giảm học phí, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập; cơ chế miễn, giảm học phí; tổ chức thực hiện

2. Đối tượng áp dụng: Quy định này áp dụng đối với sinh viên đang học tập tại Trường Đại học Công nghiệp Việt - Hung

Điều 2. Nguyên tắc xét miễn, giảm học phí, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập: Thực hiện đúng quy trình và đúng các đối tượng được quy định; đảm bảo khách quan, công khai, công bằng, chính xác.

Chương II

ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ, HỖ TRỢ HỌC PHÍ, HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP

Điều 3. Đối tượng miễn, giảm học phí

1. Đối tượng được miễn học phí

Đối tượng 1: Người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng số 02/2020/UBTVQH14 ngày 09/12/2020 của Chủ tịch Quốc hội nếu đang theo học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân cụ thể:

a) Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh; Bệnh binh;

b) Con của người hoạt động cách mạng trước ngày 01/01/1945; con của người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến ngày khởi nghĩa 19/8/1945; con của Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, con của Anh hùng Lao động trong kháng chiến; con



của liệt sỹ; con của thương binh, người hưởng chính sách như thương binh; con của bệnh binh; con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.

Đối tượng 2: Sinh viên bị khuyết tật.

Đối tượng 3: Người từ 16 tuổi đến 22 tuổi đang học giáo dục đại học văn bằng thứ nhất thuộc đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

Đối tượng 4: Sinh viên là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà (trong trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

Đối tượng 5: Sinh viên là người dân tộc thiểu số rất ít người ở vùng có điều kiện kinh tế- xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định hiện hành của cơ quan có thẩm quyền. Cụ thể là người dân tộc thiểu số rất ít người bao gồm: La Ha, La Hủ, Pà Thèn, Chứt, Lự, Lô Lô, Mảng, Cống, Cờ Lao, Bố Y, Ngái, Si La, Pú Páo, Brâu, Rơ Măm, Ô Đu.

2. Đối tượng được giảm 70% học phí: Sinh viên là người dân tộc thiểu số (ngoài đối tượng dân tộc thiểu số rất ít người) mà bản thân và cha hoặc mẹ có nơi thường trú tại thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

3. Đối tượng được giảm 50% học phí: Sinh viên có cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.

4. Đối tượng được hỗ trợ 50% học phí: Sinh viên là con đẻ của cán bộ viên chức hiện đang công tác tại Trường.

5. Đối tượng được hỗ trợ 30% học phí: Sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn do Hiệu trưởng Quyết định

Điều 4. Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập:

- Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo hoặc cận nghèo;
- Mức hỗ trợ chi phí học tập: bằng 60% mức lương tối thiểu chung và được hưởng không quá 10 tháng/năm học/sinh viên.

Điều 5. Đối tượng được hỗ trợ học tập:

- Sinh viên là người dân tộc thiểu số rất ít người (*La Ha, La Hủ, Pà Thèn, Chứt, Lự, Lô Lô, Mảng, Cống, Cờ Lao, Bố Y, Ngái, Si La, Pú Páo, Brâu, Rơ Măm, Ô Đu*);
- Mức hỗ trợ học tập: bằng 100% mức lương cơ sở/người/tháng và được hưởng 12 tháng/năm nếu có thời gian học đủ 9 tháng/năm trở lên; trường hợp Sinh viên học không đủ 9 tháng/năm thì được hưởng theo thời gian học thực tế.

Chương III

THỦ TỤC HỒ SƠ XÉT MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ, HỖ TRỢ HỌC PHÍ, HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP

Điều 6. Đối tượng, hồ sơ cần phải nộp

Đối tượng	Hồ sơ cần phải nộp	Ghi chú
1. Đối tượng miễn học phí		
Đối tượng 1	- Đơn đề nghị miễn, giảm học phí (<i>mẫu của trường</i>); - Bản sao thẻ TB, người hưởng chính sách như TB, BB - Giấy chứng nhận do phòng Lao động - Thương binh & xã hội cấp; - Giấy xác nhận thông tin về cư trú; - Bản sao giấy khai sinh.	Xét 1 lần hưởng cả khóa học
Đối tượng 2	- Đơn đề nghị miễn, giảm học phí (<i>mẫu của trường</i>); - Giấy xác nhận khuyết tật do UBND cấp xã cấp; - Quyết định về việc trợ cấp xã hội của Chủ tịch UBND cấp xã; - Bản sao giấy khai sinh.	Xét 1 lần hưởng cả khóa học
Đối tượng 3	- Đơn đề nghị miễn, giảm học phí (<i>mẫu của trường</i>); - Giấy xác nhận của UBND cấp xã hoặc phường xác nhận sinh viên mồ côi cả cha lẫn mẹ; - Quyết định về việc trợ cấp xã hội của Chủ tịch UBND cấp xã; - Giấy xác nhận thông tin về cư trú; - Bản sao Giấy khai sinh; - Bản sao giấy chứng tử của bố, mẹ.	Xét 1 lần hưởng cả khóa học
Đối tượng 4	- Đơn đề nghị miễn, giảm học phí (<i>mẫu của trường</i>); - Giấy xác nhận hộ nghèo hoặc cận nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp (<i>2 bản</i>); - Bản sao giấy khai sinh (<i>2 bản</i>); - Giấy xác nhận thông tin về cư trú. (<i>2 bản</i>).	Xét theo từng học kỳ
Đối tượng 5	- Đơn đề nghị miễn, giảm học phí (<i>mẫu của trường</i>); - Giấy xác nhận dân tộc thiểu số rất ít người ở vùng có điều kiện kinh tế- xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn (<i>2 bản</i>); - Bản sao giấy khai sinh (<i>2 bản</i>);	Xét 1 lần hưởng cả khóa học

	- Giấy xác nhận thông tin về cư trú (2 bản).	
2. Đối tượng giảm 70% học phí		
	- Đơn xin miễn, giảm học phí (<i>mẫu của trường</i>); - Giấy xác nhận ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo; - Bản sao giấy khai sinh; - Giấy xác nhận thông tin về cư trú.	Xét 1 lần hưởng cả khóa học
3. Đối tượng giảm 50% học phí		
	- Đơn xin miễn, giảm học phí (<i>mẫu của trường</i>); - Quyết định của cơ quan mà cha/mẹ bị tai nạn lao động; - Sổ hưởng trợ cấp hàng tháng của cha hoặc mẹ bị TNLĐ hoặc mắc bệnh nghề nghiệp do tổ chức bảo hiểm xã hội cấp; - Bản sao giấy khai sinh; - Giấy xác nhận thông tin về cư trú.	Xét 1 lần hưởng cả khóa học
4. Đối tượng được hỗ trợ 50% học phí		
Sinh viên là con đẻ của cán bộ viên chức hiện đang công tác tại trường.	- Đơn xin hỗ trợ học tập; - Các minh chứng kèm theo.	Xét 1 lần hưởng cả khóa học
5. Đối tượng được hỗ trợ 30% học phí		
Sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn do Hiệu trưởng Quyết định	- Đơn xin hỗ trợ học tập; - Các minh chứng kèm theo.	Xét theo từng học kỳ
6. Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập		
	- Đơn đề nghị hỗ trợ chi phí học tập (<i>mẫu của trường</i>); - Giấy xác nhận hộ nghèo hoặc cận nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp; - Bản sao giấy khai sinh; - Giấy xác nhận thông tin về cư trú.	Xét theo từng học kỳ
7. Đối tượng được hỗ trợ học tập		
	- Đơn đề nghị hỗ trợ học phí (<i>mẫu của trường</i>); - Giấy xác nhận dân tộc thiểu số rất ít người; - Bản sao giấy khai sinh; - Giấy xác nhận thông tin về cư trú.	Xét 1 lần hưởng cả khóa học

Chương IV
CƠ CHẾ MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ, HỖ TRỢ HỌC PHÍ,
HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP

Điều 7. Quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập

1. Việc miễn, giảm học phí, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập sẽ được thực hiện trong suốt thời gian học tập tại trường, trừ trường hợp có những thay đổi về lý do miễn, giảm.

2. Việc miễn, giảm học phí cho sinh viên được thực hiện tại trường nơi sinh viên đang học tập. Nhà nước thực hiện cấp bù học phí trực tiếp cho nhà trường để nhà trường thực hiện chế độ miễn, giảm học phí cho sinh viên thuộc đối tượng miễn, giảm học phí.

3. Việc cấp bù học phí theo 10 tháng/năm (5 tháng/học kỳ) căn cứ số lượng người học thực tế thuộc diện được miễn, giảm học phí và mức thu học phí (mức cấp bù học phí cho các trường tối đa không quá mức trần học phí quy định tại khoản 1 Điều 10 ở Nghị định số 238/2025/NĐ-CP tương ứng với từng năm học và ngành, khối ngành đào tạo. Phần còn lại người học phải đóng bằng phần chênh lệch giữa mức học phí thực tế của cơ sở giáo dục và mức hỗ trợ của Nhà nước.

4. Trường hợp có sự trùng lặp về đối tượng hưởng chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập quy định tại Nghị định này với các văn bản quy phạm pháp luật khác đang thực hiện có mức hỗ trợ cao hơn thì được hưởng theo mức hỗ trợ cao hơn quy định tại văn bản pháp luật khác.

5. Không áp dụng miễn, giảm học phí, hỗ trợ học phí, đối với trường hợp đang hưởng lương và sinh hoạt phí khi đi học.

6. Không áp dụng chế độ miễn, giảm học phí, hỗ trợ học phí đối với sinh viên trong trường hợp đã hưởng chế độ này tại một cơ sở giáo dục đại học. Nay tiếp tục học thêm ở một cơ sở giáo dục đại học khác cùng cấp học và trình độ đào tạo. Nếu sinh viên thuộc đối tượng miễn, giảm học phí đồng thời học ở nhiều cơ sở giáo dục hoặc nhiều khoa, nhiều ngành trong cùng một cơ sở giáo dục thì chỉ được hưởng một chế độ miễn, giảm học phí.

7. Không áp dụng miễn, giảm học phí, hỗ trợ học phí đối với người học theo hình thức giáo dục thường xuyên.

8. Không áp dụng chế độ miễn, giảm học phí, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập trong thời gian người học bị kỷ luật ngừng học hoặc buộc thôi học, bảo lưu, học lưu ban, học lại, học cải thiện, học bổ sung. Trường hợp người học phải dừng học; học lại, bảo lưu, lưu ban (không quá một lần) do ốm đau, tai nạn hoặc dừng học vì lý do bất khả kháng không do kỷ luật hoặc tự thôi học thì thủ trưởng cơ sở giáo dục xem xét cho tiếp tục học tập theo quy định và tiếp tục được hưởng chính sách hỗ trợ theo quy định tại Nghị định này.

9. Kinh phí cấp bù miễn, giảm học phí, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập được cấp theo thời gian học thực tế nhưng không quá 10 tháng/năm học đối với sinh viên học tại các cơ sở giáo dục đại học và thực hiện chi trả cho người học 2 lần trong năm vào đầu các học kỳ của năm học.

Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Phòng Công tác sinh viên chịu trách nhiệm triển khai, hướng dẫn các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan thực hiện Quy định này.
2. Các viện/khoa đào tạo, GVCN/CVHT thông báo và phổ biến sinh viên thực hiện đúng quy định.
3. Trách nhiệm của sinh viên nộp hồ sơ đúng thời hạn, đầy đủ, chính xác, đúng đối tượng.

Điều 9. Thời gian và địa điểm nộp hồ sơ xét miễn, giảm học phí, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập:

1. Thời gian:

- * Học kỳ I: Từ đầu học kỳ đến hết Tháng 10;
- * Học kỳ II: Từ đầu học kỳ đến hết tháng 01.

Ghi chú: Sinh viên nộp đơn sau thời gian quy định chỉ được xem xét miễn, giảm học phí, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập ở các kỳ tiếp theo.

2. Địa điểm nộp hồ sơ: Phòng Công tác sinh viên.

3. Lưu ý trong quá trình thực hiện: Sinh viên thuộc đối tượng miễn, giảm học phí ở học kỳ nào phải đăng ký các học phần đúng thời gian quy định của học kỳ đó. Sau thời gian quy định sinh viên đăng ký thêm các học phần phải đóng đủ 100% học phí.

Trong quá trình hoàn thiện hồ sơ nếu có vướng mắc liên hệ qua phòng Công tác sinh viên để được hỗ trợ giải quyết (Điện thoại: 02433.839.877 - 0988.403548)/. 



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Đình Tùng